TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 749/2025/DS-ST
Ngày: 26/9/2025
V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thúy Minh.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Mành Kim Ngọc

Ông Phạm Anh Tuấn

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Anh Tú- Cán bộ Tòa án nhân dân Khu vực 10 - Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 10 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Duyên - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 9 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 10 - Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 436/2025/TLST-DS ngày 21 tháng 05 năm 2025 về việc: *"Tranh chấp hợp đồng tín dụng"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 441/2025/QĐXXST-DS ngày 15 tháng 8 năm 2025 và quyết định hoãn phiên tòa số 334/2025/QĐST-DS ngày 08 tháng 9 năm 2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần S

Địa chỉ: Số 266 -268 Đường N, phường X, Thành phố H.

Đại diện uỷ quyền của nguyên đơn: ông Trần Gia T, sinh năm: 1971

Theo Giấy ủy quyền số: 780/2025/UQ-TGĐ ngày 25/02/2025

(Có đơn xin vắng mặt)

Bị đơn: Bà Bùi Thị Lan T, sinh năm: 1991

Số Căn cước công dân: Y ngày cấp 21/12/2021 tại cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội.

Địa chỉ: Số 40/2 Đường N, phường C, Thành phố H.

Nơi cư trú thực tế: 35/11/31A Đường L, phường C, thành phố H.

(có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện nộp ngày 27/3/2025, bản tự khai ngày 24/7/2025, 28/7/2025, 26/9/2025, biên bản không tiến hành hòa giải ngày 24/7/2025 và ngày 28/7/2025, cùng các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ, đại diện nguyên đơn ông Trần Gia T trình bày:

Ngày 29/10/2021, bà Bùi Thị Lan T có ký với ngân hàng thương mại cổ phần S (gọi tắt là Ngân hàng) Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng– các tài liệu này được gọi chung là Hợp đồng). Căn cứ thu nhập của bà T, Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng là thẻ JCB JSpeedy Cre Classic 3531191009 và vay qua ứng dụng S 3866028529 với hạn mức sử dụng chung là 25.000.000đ (hai mươi lăm triệu đồng), với mục đích tiêu dùng cá nhân. Sau khi được cấp Thẻ tín dụng, bà T đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 40.822.506đ (bốn mươi triệu tám trăm hai mươi hai ngàn năm trăm lẻ sáu đồng). Trong đó thẻ JCB JSpeedy Cre Classic 3531191009 là 34.822.506đ (ba mươi bốn triệu tám trăm hai mươi hai ngàn năm trăm lẻ sáu đồng), ứng dụng S 3866028529 là 6.000.000đ (sáu triệu đồng). Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay bà T đã thanh toán cho Ngân hàng tổng số tiền 27.021.963đ (hai mươi bảy triệu không trăm hai mươi mốt ngàn chín trăm sáu mươi ba đồng). Trong đó thẻ JCB JSpeedy Cre Classic 3531191009 là 18.877.963đ (mười tám triệu tám trăm bảy mươi bảy ngàn chín trăm sáu mươi ba đồng), ứng dụng S 3866028529 là 8.144.000đ (tám triệu một trăm bốn mươi bốn ngàn đồng). Theo thứ tự thanh toán căn cứ theo Điều 21 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng. Do bà T vi phạm nghĩa vụ thanh toán, Ngân hàng đã nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng bà T vẫn không có thiện chí trả nợ nên ngày 16/04/2023 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ của bà T và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn. Tính đến ngày 26/09/2025, bà T còn nợ tổng số tiền là 57,636,896đ (năm mươi bảy triệu sáu trăm ba mươi sáu ngàn tám trăm chín mươi sáu đồng), cụ thể:

Thẻ JCB JSpeedy Cre Classic 3531191009, nợ vốn gốc là 22.407.022đ (hai mươi hai triệu bốn trăm lẻ bảy ngàn không trăm hai mươi hai đồng), tiền lãi quá hạn là 27.461.539đ (hai mươi bảy triệu bốn trăm sáu mươi mốt ngàn năm trăm ba mươi chín đồng) với lãi suất quá hạn là 4.155%/ tháng (2.77%/ tháng x150%). Tổng cộng là: 49.868.561đ (bốn mươi chín triệu tám trăm sáu mươi tám ngàn năm trăm sáu mươi mốt đồng)

Ứng dụng S 3866028529, nợ vốn gốc là 4.608.000đ (bốn triệu sáu trăm lẻ tám ngàn đồng), tiền lãi quá hạn là 3.160.335đ (ba triệu một trăm sáu mươi ngàn ba trăm ba mươi lăm đồng) với lãi suất quá hạn là 2.325%/ tháng (1.55%/ tháng x 150%). Tổng cộng là: 7.768.335đ (bảy triệu bảy trăm sáu mươi tám ngàn ba trăm ba mươi lăm đồng). Mặc dù Ngân hàng đã nhiều yêu cầu bà T có trách nhiệm thanh toán các khoản nợ đã va. Tuy nhiên bà T vẫn chưa thanh toán khoản nợ vay quá hạn cho Ngân hàng, vi phạm các điều khoản đã qui định tại Hợp đồng đã ký.

Ngân hàng khởi kiện yêu cầu buộc bà Bùi Thị Lan T thanh toán cho ngân hàng thương mại cổ phần S số tiền vốn gốc là: 27.015.022đ (hai mươi bảy triệu không trăm mười lăm ngàn không trăm hai mươi hai đồng); tiền lãi quá hạn tạm tính đến ngày 26/9/2025 là: 30.621.874đ (ba mươi triệu sáu trăm hai mươi mốt ngàn tám trăm bảy mươi bốn đồng). Tổng cộng là 57.636.896đ (năm mươi bảy triệu sáu trăm ba mươi sáu ngàn tám trăm chín mươi sáu đồng), tiền lãi sẽ tiếp tục phát sinh theo mức lãi suất nợ quá hạn do các bên thỏa thuận tại hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng cho đến ngày bà T trả dứt nợ. Thanh toán một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Tại văn bản ngày 25/9/2025 đại diện nguyên đơn cũng khẳng định chỉ yêu cầu cá nhân bà Bùi Thị Lan T trả nợ, không yêu cầu bất cứ người liên quan nào phải có trách nhiệm trả nợ liên đới với bà T

Tại biên bản tự khai ngày 26/9/2025 và tại phiên tòa bị đơn bà Bùi Thị Lan T trình bày :

Vào năm 2021, bà Bùi Thị Lan T có mở thẻ tín dụng của ngân hàng thương mại cổ phần S với hạn mức là 25.000.000đ (Hai mươi lăm triệu đồng chẵn). Sau khi làm thẻ và vay qua ứng dụng, bà T vẫn đóng tiền lãi bình thường với số tiền mà mỗi tháng bà T phải đóng cho ngân hàng. Đối với số tiền 25.000.000đ (hai mươi lăm triệu đồng) bà T vay bà T cũng đã đóng hơn phân nửa, nay ngân hàng khởi kiện đòi nợ, bà T thấy số tiền nợ gốc và lãi quá nhiều. Do thời gian trước bà T bị

bệnh nên công ty cho nghĩ việc bị thất nghiệp không có thu nhập nên có ngưng đóng tiền cho ngân hàng, điện thoại bà T lại bị mất nên ngân hàng không liên lạc được. Bà T xác nhận có vay của ngân hàng số tiền vốn gốc qua thẻ và qua ứng dụng như ngân hàng đã khởi kiện. Do hiện nay bà T vẫn còn bệnh, không có tiền điều trị, mỗi ngày đi phụ bán hàng được 200.000đ (hai trăm ngàn đồng), nên yêu cầu ngân hàng giảm lãi và cho bà T trả góp mỗi tháng 500.000đ (năm trăm ngàn đồng).

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 – thành phố Hồ Chí Minh, bà Nguyễn Thị Duyên phát biểu: Thẩm phán đảm bảo đúng quy định tại Điều 48 của Bộ luật tố tụng Dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng thủ tục tố tụng trong quá trình xét xử vụ án. Nguyên đơn và bị đơn chấp hành đúng pháp luật về tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn do phù hợp với quy định của bộ luật dân sự năm 2015 và Luật các tổ chức tín dụng năm 1997. Án phí theo luật định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Toà án:

Xét đơn khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần S thì đây là vụ án dân sự "Tranh chấp hợp đồng tín dụng", do bị đơn có nơi cư trú tại phường C, Thành phố H. Nên vụ án này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 10 - Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại Điều 26, Điều 35, Điều 36 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Xét về thủ tục tố tụng:

Ngày 22/7/2025 ông Trần Gia T có Đơn yêu cầu xét xử vắng mặt tại phiên tòa xét xử vụ án tranh chấp hợp đồng tín dụng giữa ngân hàng thương mại cổ phần S và bà Bùi Thị Lan T, do ông Trần Gia T làm đại diện theo ủy quyền. Do ông Trần Gia T bận việc nên không thể đến tham gia phiên tòa. Hội đồng xét xử xét thấy cần áp dụng khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 để xét xử vắng mặt đối với đại diện nguyên đơn.

[3] Về yêu cầu của đương sự:

Theo các tài liệu, chứng cứ Tòa án đã thu thập và lời khai của đại diện nguyên đơn tại biên bản tự khai ngày 24/7/2025, 28/7/2025, 26/9/2025, biên bản không tiến hành hòa giải ngày 24/7/2025 và ngày 28/7/2025 và bản tự khai ngày 26/9/2025 của bị đơn bà Bùi Thị Lan T. Căn cứ Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 29/10/2021, (Thẻ JCB JSpeedy Cre Classic 3531191009 và ứng dụng S 3866028529) mà Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn Thương Tín đã ký với bà Bùi Thị Lan T (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và bản Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng dưới sự đồng ý của ngân hàng thương mại cổ phần S và các bảng Tóm tắt sao kê ngày 18/02/2025 24/7/2025, 28/7/2025, 26/9/2025, Thông báo khởi kiện ngày 27/9/2024, vận đơn, có căn cứ xác định giữa ngân hàng thương mại cổ phần S và bà T có ký Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng– các tài liệu này được gọi chung là Hợp đồng). Căn cứ thu nhập của Bà T, Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng (gồm thẻ JCB JSpeedy Cre Classic 3531191009, khoản vay qua ứng dụng S 3866028529) với hạn mức sử dụng chung là 25.000.000đ (hai mươi lăm triệu đồng), với mục đích tiêu dùng cá nhân. Sau khi được cấp Thẻ tín dụng, bà T đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 40.822.506đ (bốn mươi triệu tám trăm hai mươi hai ngàn năm trăm lẻ sáu đồng) (trong đó thẻ JCB JSpeedy Cre Classic 3531191009 là 34.822.506đ (ba mươi bốn triệu tám trăm hai mươi hai ngàn năm trăm lẻ sáu đồng), thẻ S 3866028529 là 6.000.000đ (sáu triệu đồng). Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích

hoạt thẻ đến nay bà T đã thanh toán cho Ngân hàng tổng số tiền 27.021.963đ (hai mươi bảy triệu không trăm hai mươi mốt ngàn chín trăm sáu mươi ba đồng). Trong đó thẻ JCB JSpeedy Cre Classic 3531191009 là 18.877.963đ (mười tám triệu tám trăm bảy mươi bảy ngàn chín trăm sáu mươi ba đồng), ứng dụng S 3866028529 là 8.144.000đ (tám triệu một trăm bốn mươi bốn ngàn đồng). Theo thứ tự thanh toán căn cứ theo Điều 21 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng. Sau đó ngưng thanh toán vào tháng 9/2023 cho đến nay, dù được ngân hàng đôn đốc nhắc nợ nhiều lần nhưng bà T vẫn không thanh toán nên ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ số nợ còn lại sang nợ quá hạn. Tính đến ngày 26/9/2025 thì bà T còn nợ ngân hàng số tiền số tiền vốn gốc là: 27.015.022đ (hai mươi bảy triệu không trăm mười lăm ngàn không trăm hai mươi hai đồng); tiền lãi quá hạn tạm tính đến ngày 26/9/2025 là: 30.621.874đ (ba mươi triệu sáu trăm hai mươi mốt ngàn tám trăm bảy mươi bốn đồng). Tổng cộng là 57.636.896đ (năm mươi bảy triệu sáu trăm ba mươi sáu ngàn tám trăm chín mươi sáu đồng). Do vậy có đủ cơ sở để xác định việc giao dịch giữa ngân hàng với bà T là có thật và các khoản nợ trên là có thật, yêu cầu khởi kiện của ngân hàng là có căn cứ cần chấp nhận giải quyết.

Xét về trách nhiệm trả nợ:

Căn cứ Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 29/10/2021, gồm Thẻ JCB JSpeedy Cre Classic 3531191009 và ứng dụng S 3866028529 mà Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn Thương Tín đã ký với bà Bùi Thị Lan T và bản Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng dưới sự đồng ý của ngân hàng thương mại cổ phần S và Thông báo khởi kiện ngày 27/9/2024, các bảng Tóm tắt sao kê ngày 18/02/2025 24/7/2025, 28/7/2025, 26/9/2025, vận đơn và bản tự khai ngày 26/9/2025 của bị đơn bà Bùi Thị Lan T, có căn cứ xác định bà Bùi Thị Lan T phải trả nợ với số nợ cụ thể: Nợ gốc là 27.015.022đ (hai mươi bảy triệu không trăm mười lăm ngàn không trăm hai mươi hai đồng); tiền lãi quá hạn tạm tính đến ngày xét xử 26/9/2025 là: 30.621.874đ (ba mươi triệu sáu trăm hai mươi mốt ngàn tám trăm bảy mươi bốn đồng). Tổng cộng là 57.636.896đ (năm mươi bảy triệu sáu trăm ba mươi sáu ngàn tám trăm chín mươi sáu đồng).

Tại văn bản ngày 25/9/2025 đại diện ủy quyền nguyên đơn ông Trần Gia T cũng khẳng định chỉ yêu cầu cá nhân bà T trả nợ, không yêu cầu bất cứ người liên quan nào phải có trách nhiệm trả nợ liên đới với bà T. Xét việc thay đổi yêu cầu này có căn cứ và có lợi cho bị đơn nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Do đó Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn đối với yêu cầu thanh toán nợ gốc và tiền lãi do phù hợp với quy định tại điểm c khoản 2 Điều 56 Luật các tổ chức tín dụng năm 1997. Buộc bà Bùi Thị Lan T có trách nhiệm thanh toán cho ngân hàng thương mại cổ phần S số tiền vốn gốc là: 27.015.022đ (hai mươi bảy triệu không trăm mười lăm ngàn không trăm hai mươi hai đồng); tiền lãi quá hạn tạm tính đến ngày xét xử 26/9/2025 là: 30.621.874đ (ba mươi triệu sáu trăm hai mươi mốt ngàn tám trăm bảy mươi bốn đồng). Tổng cộng là 57.636.896đ (năm mươi bảy triệu sáu trăm ba mươi sáu ngàn tám trăm chín mươi sáu đồng), tiền lãi sẽ tiếp tục phát sinh theo mức lãi suất nợ quá hạn do các bên thỏa thuận tại các hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng và ứng dụng S cho đến ngày bà T trả dứt nợ. Thanh toán một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

[3] Về án phí:

Do toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn ngân hàng thương mại cổ phần S được chấp nhận nên bị đơn bà Bùi Thị Lan T phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm đối với vụ án có giá ngạch theo qui định khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần S không phải chịu án phí, được hoàn lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Các Điều 4, 122, 401, 471, 474 của Bộ luật dân sự năm 2005;

- Các điều 26, 35, 36, 39, 147, 171, 172, 173, 174, 177, 179, 227, 228, 238, 266, 269, 271, 273, 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự (đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 85/2025/QH15);

- Các điều 56 của Luật các tổ chức tín dụng năm 1997;

- Luật thi hành án dân sự;

- Căn cứ Luật phí, lệ phí;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016;

- Nghị quyết số 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27 tháng 6 năm 2025 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn là Ngân hàng thương mại cổ phần S. Buộc bà Bùi Thị Lan T có trách nhiệm thanh toán cho ngân hàng thương mại cổ phần S số tiền vốn gốc là: 27.015.022đ (hai mươi bảy triệu không trăm mười lăm ngàn không trăm hai mươi hai đồng); tiền lãi quá hạn tạm tính đến ngày xét xử 26/9/2025 là: 30.621.874đ (ba mươi triệu sáu trăm hai mươi mốt ngàn tám trăm bảy mươi bốn đồng). Tổng cộng là 57.636.896đ (năm mươi bảy triệu sáu trăm ba mươi sáu ngàn tám trăm chín mươi sáu đồng), tiền lãi sẽ tiếp tục phát sinh theo mức lãi suất nợ quá hạn do các bên thỏa thuận tại các hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng và ứng dụng S cho đến ngày bà T trả dứt nợ. Thanh toán một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Thi hành tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc bà Bùi Thị Lan T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 1.531.093đ (một triệu năm trăm ba mươi mốt ngàn không trăm chín mươi ba đồng). Nộp tại Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngân hàng thương mại cổ phần S không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, được hoàn lại tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.251.706đ (một triệu hai trăm năm mươi mốt ngàn bảy trăm lẻ sáu đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0068865 ngày 13/5/2025 của Chi cục thi hành án dân sự được 8.

3. Thời hạn kháng cáo đối với bản án của Tòa án cấp sơ thẩm là 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự không có mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày họ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại địa phương nơi cư trú để yêu cầu Tòa án nhân dân Thành phố Hồ chí Minh xét xử phúc thẩm.

Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 02 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9

Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND TP.HCM;
- VKSND KV10;
- THA DS TP. HCM;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

Trần Thị Thúy Minh